

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thông qua phương án đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Giám định thương mại và An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 5051/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 1077/TTr-SCT ngày 25 tháng 8 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa 03 thủ tục hành chính lĩnh vực Giám định thương mại và An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương tỉnh Thanh Hóa (có Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Giao Sở Công Thương dự thảo Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính của UBND tỉnh kèm theo Phương án đề nghị cắt giảm, đơn giản hóa đã được thông qua tại Quyết định này, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt gửi Bộ Công Thương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Bộ Công Thương (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

A handwritten signature in blue ink, appearing to be 'Nguyễn Văn Thi', written in a cursive style.

Nguyễn Văn Thi

Phụ lục

PHƯƠNG ÁN ĐỀ NGHỊ CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH THƯƠNG MẠI VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

I. Thủ tục: Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về thành phần hồ sơ

Tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ về quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung quy định về giám định thương mại tại Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16/12/2011 và Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006; khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thủ tục đăng ký dấu nghiệp vụ của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định thương mại, quy định thành phần hồ sơ, như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký dấu nghiệp vụ bao gồm:

a) 01 (Một) bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (Một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

- Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;

- Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.

2. Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này”.

Tuy nhiên, hiện nay thông tin về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư đã

được kết nối, chia sẻ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết có thể tra cứu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. Do đó, để đơn giản hóa TTHC, tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, bãi bỏ thành phần hồ sơ này.

1.2. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, quy định trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính như sau:

“3. Trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký dấu nghiệp vụ:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản”.

Tuy nhiên, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC, hồ sơ được xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử, cơ quan thẩm định không phải đi kiểm tra thực tế. Do đó cần cắt giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc nhằm rút ngắn thời hạn giải quyết, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân và đảm bảo phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính.

1.4. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương có ban hành kèm theo Mẫu đơn đăng ký dấu nghiệp vụ. Tuy nhiên, việc quy định thông tin về Vốn điều lệ trong Mẫu đơn là không cần thiết, vì Dịch vụ giám định thương mại không yêu cầu vốn pháp định. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương xem xét, bỏ thông tin Vốn điều lệ trong Mẫu đơn.

2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét:

- Bãi bỏ các quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ theo phương án sau: *“Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ đề nghị đăng ký dấu nghiệp vụ đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này, Sở Công Thương nơi thương nhân đăng ký kinh doanh có trách nhiệm đăng ký con dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo cho thương nhân biết bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận việc đăng ký dấu nghiệp vụ, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”*.

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT quy định thời hạn giải quyết TTHC theo phương án sau:

a) *Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;*

b) *Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản”*.

- Sửa đổi mẫu đơn ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo hướng bỏ thông tin Vốn điều lệ.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 748.875 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 504.125 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 244.750 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 32,682%.

II. Thủ tục: Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về thành phần hồ sơ

Tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 20/2006/NĐ-CP; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP; khoản 1, 2 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT quy định thành phần hồ sơ, như sau:

“1. Hồ sơ đăng ký dấu nghiệp vụ bao gồm:

a) 01 (Một) bản chính Đơn đăng ký dấu nghiệp vụ thực hiện theo mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;

b) 01 (Một) bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau:

- Bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện;

- Bản chụp kèm theo bản chính để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

c) Các mẫu dấu nghiệp vụ hoặc bản thiết kế các mẫu dấu nghiệp vụ mà thương nhân đăng ký.

2. Trường hợp thủ tục hành chính có áp dụng nộp hồ sơ qua mạng điện tử thì thương nhân gửi bản scan từ bản gốc các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này”.

Tuy nhiên, hiện nay thông tin về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư đã được kết nối, chia sẻ trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trong quá trình thẩm định hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền giải quyết có thể tra cứu trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không cần thiết phải yêu cầu doanh nghiệp nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư. Do đó, để đơn giản hóa TTHC, tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân, đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, bãi bỏ thành phần hồ sơ này.

1.3. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

Tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP và khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, quy định trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết thủ tục hành chính như sau:

“3. Trình tự giải quyết hồ sơ đăng ký dấu nghiệp vụ:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách

nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản”.

Tuy nhiên, hiện nay với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC hồ sơ được xử lý hoàn toàn trên môi trường điện tử, cơ quan thẩm định không phải đi kiểm tra thực tế. Do đó cần cắt giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc nhằm rút ngắn thời hạn giải quyết, tiết kiệm thời gian, chi phí tuân thủ TTHC cho tổ chức, cá nhân và đảm bảo phù hợp với chủ trương cải cách thủ tục hành chính.

1.4. Về mẫu đơn, mẫu tờ khai

Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương có ban hành kèm theo Mẫu đơn đăng ký dấu nghiệp vụ. Tuy nhiên, việc quy định thông tin về Vốn điều lệ trong Mẫu đơn là không cần thiết, vì Dịch vụ giám định thương mại không yêu cầu vốn pháp định. Do đó, đề nghị Bộ Công Thương xem xét, bỏ thông tin Vốn điều lệ trong Mẫu đơn.

2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét:

- Bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 10 Nghị định số 20/2006/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ; điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Sửa đổi khoản 2 Điều 2 Nghị định số 125/2014/NĐ-CP ngày 29/12/2014 của Chính phủ theo phương án sau: *“Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ đề nghị đăng ký dấu nghiệp vụ đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định này, Sở Công Thương nơi thương nhân đăng ký kinh doanh có trách nhiệm đăng ký con dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo cho thương nhân biết bằng văn bản. Trường hợp không chấp nhận việc đăng ký dấu nghiệp vụ, Sở Công Thương phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do”.*

- Sửa đổi khoản 3 Điều 4 Thông tư số 01/2015/TT-BCT quy định thời hạn giải quyết TTHC theo phương án sau:

a) Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận bộ hồ sơ, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho thương nhân yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ;

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận bộ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan đăng ký dấu nghiệp vụ có trách nhiệm đăng ký dấu nghiệp vụ sử dụng trong chứng thư giám định của thương nhân vào Sổ đăng ký dấu nghiệp vụ và thông báo đăng ký dấu nghiệp vụ giám định cho thương nhân bằng văn bản”.

- Sửa đổi mẫu đơn ban hành kèm theo Thông tư số 01/2015/TT-BCT ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo hướng bỏ thông tin Vốn điều lệ.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 748.875 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 504.125 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 244.750 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 32,682%.

III. Thủ tục: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

1. Nội dung đơn giản hóa

1.1. Về thành phần hồ sơ

Tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương quy định thành phần hồ sơ, như sau:

“1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận lần đầu:

a) Đơn đề nghị theo Mẫu số 01a Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật;

c) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) Mục I tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Danh sách tổng hợp đủ sức khỏe do chủ cơ sở xác nhận hoặc giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

đ) Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.”

Tuy nhiên, đề nghị bỏ thành phần hồ sơ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020: *“Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật”*

Lý do: Thông tin về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký đầu tư đã được kết nối, chia sẻ trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nên không cần doanh nghiệp nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư.

Đồng thời, đề nghị bỏ thành phần hồ sơ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020: *“Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.”*

Lý do: Để tiết kiệm thời gian và chi phí tuân thủ TTHC cho các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện TTHC, thay vì yêu cầu doanh nghiệp phải nộp *“Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở”* trong thành phần hồ sơ thì trong quá trình đi thẩm định thực tế tại cơ sở, cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC có thể yêu cầu doanh nghiệp xuất trình giấy tờ này để kiểm tra, đối chiếu (chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm).

1.2. Về trình tự thực hiện, thời hạn giải quyết

- Tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 chưa quy định thời gian giải quyết TTHC sau bước thẩm định thực tế tại cơ sở “không đạt”.

Do đó, đề nghị sửa đổi, bổ sung thời gian giải quyết TTHC sau bước thẩm định thực tế tại cơ sở “không đạt” tại điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 theo phương án như sau: *“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “không đạt”, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân”*.

1.3. Về hiệu lực của Giấy chứng nhận

- Tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định: *“Trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn, tổ*

chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này”.

Đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo phương án như sau: ***“Trong trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trước 30 ngày tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này”.***

Lý do: Thời gian giải quyết TTHC đối với trường hợp cấp lại khi Giấy chứng nhận hết hiệu lực được thực hiện như đối với cấp lần đầu là 25 ngày làm việc. Như vậy, nếu các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018, thì trong khoảng thời gian 5 tháng (*thời gian còn hiệu lực của Giấy chứng nhận cũ (6 tháng) trừ đi thời gian cấp giấy chứng nhận mới (25 ngày làm việc)*), cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm sẽ tồn tại 02 giấy chứng nhận gồm Giấy chứng nhận đã được cấp mới và Giấy chứng nhận cũ vẫn chưa hết hiệu lực. Do đó, việc nộp hồ sơ ***“trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn”*** theo quy định tại khoản 1, Điều 7, Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 gây lãng phí về thời gian và chi phí đối với tổ chức, cá nhân khi thực hiện TTHC.

2. Kiến nghị thực thi

Đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét:

- Sửa đổi tên TTHC quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương theo phương án sau: ***“Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm”***.

- Bãi bỏ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ.

- Bãi bỏ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 20/02/2006 của Chính phủ.

- Bổ sung vào điểm đ khoản 1 Điều 13 Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/2/2020 như sau: ***“Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định thực tế tại cơ sở là “không đạt”, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân”***

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương theo phương án như sau: ***“Trong***

trường hợp tiếp tục sản xuất, kinh doanh thực phẩm, trước 30 ngày tính đến ngày Giấy chứng nhận hết hạn, tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải nộp hồ sơ xin cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này”.

3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 100.863.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 72.823.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 28.040.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm sau đơn giản hóa: 27,8%.